

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Huỳnh
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980.

HKTT: Ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

Địa chỉ: Quốc Lộ 51, khu 12, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

(Anh T có mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2019 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Thanh T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/3/2010. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên hay cãi nhau và đã sống ly thân từ năm 2018, sau đó, có nói chuyện hàn gắn nhưng không được, đến khoảng tháng 5/2019 thì chị T đã dọn về nhà chị ruột tại xã Long Đức, huyện Long Thành sinh sống

cho đến nay. Nay yêu cầu Tòa giải quyết cho anh ly hôn chị T do vợ chồng đã hết tình cảm.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Nguyễn Gia P, sinh ngày 19/4/2010. Anh yêu cầu giao cháu P cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng một tháng) nhưng chị T có yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng (ba triệu đồng một tháng) thì anh đồng ý.

Về tài sản chung : Không có.

Về nợ chung : Không có.

** Tại bản tự khai và đơn đề nghị về việc giải quyết vắng mặt cùng ngày 01/6/2021 bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh T chung sống tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thạnh năm 2010. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do chị phát hiện anh T có quan hệ tình cảm với người khác khoảng giữa năm 2018. Sau đó thì anh chị không sống chung với nhau nữa mà chị và con trai vẫn sống ở nhà mẹ chồng nhưng anh T không muốn quay về với gia đình nên từ tháng 5/2019 chị và con trai đã về nhà chị ruột của chị là Nguyễn Thị V tại khu 12, xã Long Đức, huyện Long Thành sống cho đến nay, hiện chị đang làm việc tại Công ty TNHH Changshin Việt Nam ở khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn.

Nay anh T xin ly hôn chị cũng đồng ý thuận tình ly hôn vì không còn tình cảm với anh nữa.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Gia P, sinh ngày 19/4/2010. Ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu P và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, anh T muốn cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng chị không đồng ý vì từ trước đến nay anh không phụ giúp chị nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị có nhận được thông báo thụ lý và các giấy mời của Tòa án Long Thành nhưng do chị không muốn gặp anh T và cũng bận công việc nên không đến để làm việc, nay chị mới sắp xếp công việc để làm việc. Do chị bận công việc nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh T, giấy trích lục kết hôn; giấy trích lục khai sinh con chung; các bản tự khai của anh T, đơn đề nghị phô tô tài liệu, xác minh, thu thập chứng cứ của anh T, Giấy chứng minh nhân dân của chị T, bản tự khai của chị T, đơn đề nghị về việc giải quyết vắng mặt của chị T; tự khai của cháu P, các biên bản xác minh tại địa phương.

Các tình tiết các bên thống nhất: Anh T xin ly hôn, chị T đồng ý thuận tình ly hôn. Về con chung: Anh T yêu cầu giao cháu P cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T đồng ý, chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, anh T đồng ý. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên khai không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn cũng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh T ly hôn chị T. Về con chung: Có một con chung tên Lê Nguyễn Gia P, sinh ngày 19/4/2010, đề nghị chấp nhận yêu cầu về việc giao cháu P cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị Th tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 vào ngày 11/3/2010 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân và không bàn bạc đoàn tụ được nên anh T xin ly hôn, chị T cũng đồng ý thuận tình ly hôn nhưng không muốn gặp mặt anh T nên xin vắng mặt; Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T xử cho anh T được ly hôn chị T.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Nguyễn Gia P, sinh ngày 19/4/2010. Hiện cháu P đang sống với chị T, anh T đề nghị giao cháu P cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, anh T đồng ý. Mặt khác, cháu P cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó giao cháu P cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến các bên, nguyện vọng của con chung và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Các đương sự đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Thanh T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với chị Nguyễn Thị Thanh T, xử cho anh Lê Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Xử giao cháu Lê Nguyễn Gia P, sinh ngày 19/4/2010 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Anh Lê Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000682 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Anh T còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Anh Lê Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
 - VKSND huyện Long Thành (1);
 - Chi cục THADS H. Long Thành (1);
 - UBND xã Phú Thạnh, H.Nhơn Trạch
- GCNKH số 23 ngày 11/3/2010 (1);
- Đương sự (2);
 - Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc An